

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Hành động triển khai thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Quyết định số 4024/QĐ-BNNMT ngày 29/9/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 4766/QĐ-BNNMT ngày 12/11/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050”;

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Gia Lai; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực của cán bộ kỹ thuật và người sản xuất; thúc đẩy chuyển đổi sản xuất trồng trọt theo hướng giảm phát thải, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Yêu cầu

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương và đơn vị có liên quan nhằm thúc đẩy chuyển đổi sản xuất trồng trọt truyền thống sang sản xuất giảm phát thải, góp phần thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất giảm phát thải trong lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng

mắc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch; chủ động điều chỉnh nội dung chưa phù hợp và nhân rộng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải hiệu quả, giúp người dân có điều kiện tiếp cận, học hỏi, áp dụng và nhân rộng trong thực tiễn sản xuất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi hệ thống sản xuất trồng trọt theo hướng phát thải thấp, giảm hóa chất độc hại, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2035

- Tổ chức triển khai diện tích giảm phát thải ít nhất 8.000 ha lúa tại các địa phương có điều kiện phù hợp.

- Các doanh nghiệp chủ động phối hợp xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải gắn với vùng nguyên liệu tập trung, quy mô ít nhất: 2.000 ha mía, 1.000 ha chuối, 1.000 ha cà phê và 1.000 ha sắn.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về kỹ thuật, chính sách, nhận thức chung về sản xuất trồng trọt giảm phát thải cho ít nhất 1.000 cán bộ kỹ thuật cơ sở, khuyến nông, nông dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Ngành trồng trọt Gia Lai phát triển theo hướng phát thải thấp, sinh thái và hiện đại, trở thành trụ cột quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh của nền nông nghiệp tỉnh. Phần đầu diện tích cây trồng chủ lực (lúa, sắn, mía, cà phê, chuối,...) ở các vùng sản xuất tập trung được áp dụng quy trình canh tác bền vững, hình thành cơ sở dữ liệu số hóa về phát thải trong trồng trọt, kết nối đồng bộ với hệ thống giám sát quốc gia. Gia Lai sẽ trở thành tỉnh phát triển nông sản có trách nhiệm với môi trường, trình độ canh tác cao, đủ năng lực hội nhập vào các chuỗi giá trị, tiếp cận thị trường tín chỉ carbon, tạo lợi thế cạnh tranh xanh trên thị trường trong nước và quốc tế; đóng góp tích cực vào mục tiêu phát thải ròng bằng “0” theo cam kết tại COP 26.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của từng vùng trên địa bàn tỉnh

- Triển khai thực hiện có kết quả Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 20/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và đất trồng mía, sắn, điều kém hiệu quả sang trồng rau, đậu đỗ các loại, cây ăn quả, cây dược liệu, cây thức ăn chăn nuôi, cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Mở rộng và phát triển diện tích các cây lâu năm có giá trị kinh tế cao vừa giúp tăng hiệu quả kinh tế vừa hấp thụ carbon.

- Phát triển mô hình “1 vụ lúa, 1 vụ màu” hoặc “1 vụ lúa, 2 vụ màu” để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải.

2. Phát triển và áp dụng các gói kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải

- Lựa chọn và chuyển giao các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải phù hợp với thực tế sản xuất theo từng nhóm cây trồng, từng vùng sinh thái; tích hợp, lồng ghép cùng các chương trình khuyến nông.

- Hướng dẫn áp dụng các giải pháp kỹ thuật như tưới tiên tiến tiết kiệm nước, tưới nước nhỏ giọt kết hợp bón phân, “1 phải 5 giảm”, “3 giảm 3 tăng”, hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI); quản lý dinh dưỡng hợp lý, sử dụng phân bón hữu cơ, phân vi sinh thay thế một phần phân vô cơ, sử dụng một số loại phân chậm tan, phân nhả chậm, phân nano,...; giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, ưu tiên sử dụng các thuốc sinh học, biện pháp sinh học và nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn; tăng cường độ che phủ đất, làm đất tối thiểu, luân canh hợp lý và sử dụng hợp lý phụ phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ số: cảm biến thông minh điều tiết nước, bón phân, phun thuốc, phân tích đất; áp dụng kỹ thuật canh tác nhằm tăng cường khả năng tích trữ carbon trong đất; sử dụng phế phụ phẩm sản xuất than sinh học, phân bón hữu cơ, đũa bèo hoa dâu, bèo lục bình vào cơ cấu sản xuất nhằm cung cấp thêm chất dinh dưỡng cho đất, tham gia vào quá trình hấp thu khí nhà kính và giảm phát thải khí mê-tan (CH₄),...

3. Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải và chuỗi giá trị

- Lựa chọn, xây dựng các mô hình sản xuất mía, sắn, cà phê, chuỗi giảm phát thải, tăng cường mở rộng ứng dụng kỹ thuật giảm giá thành trong sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm phát thải khí nhà kính hướng đến nền nông nghiệp xanh để nông dân tiếp cận và học tập.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, đơn vị phát triển dự án carbon trong việc hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi, chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm.

4. Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính

- Phối hợp cung cấp cơ sở dữ liệu về giảm phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, bao gồm dữ liệu theo cây trồng, vùng sinh thái, biện pháp kỹ thuật, chu kỳ canh tác,... cho cơ quan chức năng theo quy định.

- Kết nối cơ sở dữ liệu của tỉnh với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia, chứng nhận tín chỉ carbon và truy xuất nguồn gốc môi trường sản phẩm nông sản.

5. Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức

- Tổ chức các chương trình truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng bền vững, giảm phát thải, thử nghiệm tín chỉ carbon.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông qua báo chí, mạng xã hội, các chương trình truyền thông, hội chợ, triển lãm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích

và xu hướng sản xuất trồng trọt. Lồng ghép nội dung canh tác giảm phát thải vào chương trình khuyến nông và các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

- Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác giảm phát thải, hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định), tín chỉ carbon cho cán bộ kỹ thuật, nông dân và doanh nghiệp.

6. Kết nối thị trường cho sản phẩm phát thải thấp

- Thực hiện các chương trình truyền thông tiêu dùng xanh, ưu tiên lựa chọn nông sản phát thải thấp, hướng tới thay đổi hành vi tiêu dùng bền vững.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản phát thải thấp thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ.

- Tích hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình OCOP và các chương trình khuyến nông.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giảm phát thải trong trồng trọt

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung các văn bản liên quan của tỉnh, trong đó lồng ghép yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án ngành trồng trọt.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật, biểu mẫu, quy trình giám sát và đánh giá định kỳ kết quả thực hiện giảm phát thải.

- Ứng dụng công nghệ số trong giám sát phát thải, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và thống kê sản lượng giảm phát thải.

- Tổ chức họp định kỳ, sơ kết, tổng kết theo từng giai đoạn, tăng cường kiểm tra, giám sát thực địa nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các xã, phường trong quá trình thực hiện.

2. Giải pháp về khoa học công nghệ và chuyển giao kỹ thuật

- Tăng cường hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua hệ thống khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp dịch vụ nông nghiệp, đảm bảo các giải pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có vùng nguyên liệu tìm kiếm, tiếp nhận, chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân áp dụng trong sản xuất để giảm phát thải.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quản lý nước, phân bón và giám sát phát thải trong trồng trọt.

3. Giải pháp về tổ chức sản xuất và chuỗi giá trị

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, áp dụng mô hình đồng quản lý phát thải giữa nông dân và đơn vị thu mua.

- Thực hiện truy xuất nguồn gốc carbon, hỗ trợ xây dựng thương hiệu nông sản giảm phát thải.

4. Giải pháp về xây dựng hệ thống dữ liệu và quản lý phát thải

- Xây dựng các biểu mẫu để thu thập thông tin, số hóa dữ liệu sản xuất giảm phát thải trong trồng trọt của tỉnh.
- Kết nối dữ liệu của tỉnh với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia để phục vụ thống kê, điều hành khi có hướng dẫn.

5. Giải pháp về nguồn lực tài chính và thị trường

- Huy động đa dạng nguồn lực, bao gồm: ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác trong các diện tích áp dụng các quy trình canh tác giảm phát thải.
- Tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản giảm phát thải, ưu tiên các thị trường có yêu cầu cao về môi trường.

6. Giải pháp về đào tạo, truyền thông và nâng cao nhận thức

- Tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ cán bộ nông nghiệp, khuyến nông, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân.
- Phối hợp với các hội đoàn thể, cơ quan truyền thông đại chúng, mạng xã hội để tuyên truyền, lan toả về canh tác giảm phát thải.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế và hội nhập

- Tăng cường hợp tác, phối hợp với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong nước và nước ngoài để tiếp nhận, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải phù hợp với điều kiện của tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Căn cứ mục tiêu, định hướng và giải pháp của Kế hoạch này; Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương xây dựng Kế hoạch sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ chức triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu và cây trồng chủ lực của địa phương; đối với địa phương có vùng lúa chất lượng cao, có ít nhất 01 mô hình giảm phát thải; vận động người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

- Phối hợp tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân về quy trình canh tác giảm phát thải, sử dụng phân bón hữu cơ, tưới tiết kiệm, sản xuất thân thiện môi trường.

- Lồng ghép nội dung sản xuất giảm phát thải vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng mô hình điểm và kế hoạch mở rộng sản xuất trồng trọt giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giá trị sản xuất, thích ứng biến đổi khí hậu; cung

cấp cơ sở dữ liệu cập nhật về trồng trọt giảm phát thải ở địa phương.

- Chủ động bố trí kinh phí cho các hoạt động triển khai các nhiệm vụ của Đề án, lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án phù hợp để phối hợp thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng năm tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải phù hợp với điều kiện của tỉnh; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân về quy trình canh tác giảm phát thải.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức và nâng cao nhận thức cộng đồng về ý nghĩa, lợi ích và giải pháp sản xuất trồng trọt giảm phát thải, góp phần thúc đẩy chuyển đổi sang nền nông nghiệp xanh và bền vững.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trực thuộc trong việc triển khai các mô hình trồng trọt giảm phát thải; định kỳ đánh giá kết quả, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm theo quy định.

3. Sở Tài chính: Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của ngân sách địa phương.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, đặt hàng và triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh phục vụ sản xuất trồng trọt giảm phát thải.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, bảo đảm hiệu quả, đồng bộ và đúng quy định.

6. Các doanh nghiệp có liên quan

- Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc xây dựng và triển khai các mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải trên vùng nguyên liệu của doanh nghiệp.

- Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, thiết bị hiện đại trong khâu canh tác, thu hoạch, bảo quản và chế biến, nhằm giảm phát thải khí nhà kính và hạn chế ô nhiễm môi trường, đảm bảo phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Thực hiện báo cáo định kỳ kết quả hoạt động vùng nguyên liệu giảm phát thải, phối hợp chia sẻ dữ liệu về sản xuất, phát thải và lượng giảm phát thải với cơ quan quản lý nhà nước theo hướng dẫn.

- Tham gia, hỗ trợ phát triển thị trường tín chỉ carbon, liên kết với tổ chức quốc tế và trong nước trong việc xây dựng dự án nông nghiệp carbon thấp, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh, bền vững của tỉnh.

7. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh có hiệu quả; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia sản xuất trồng trọt giảm phát thải, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu; sản xuất có trách nhiệm với người tiêu dùng và xã hội,... để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện; cụ thể hóa trong kế hoạch hằng năm, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu đề ra; đồng thời bố trí, lồng ghép, huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch hành động triển khai thực hiện “Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- CVP, PVP XD, PVP NN;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, N7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Phụ lục I
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SẢN XUẤT GIẢM PHÁT THẢI
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, TẦM NHÌN ĐẾN 2050
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tổ chức thực hiện Đề án			
1	Xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân xã, phường	2026
2	Ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật, biểu mẫu đánh giá, báo cáo định kỳ kết quả thực hiện đề án giảm phát thải.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân xã, phường	2026 - 2027
II	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt phù hợp với đặc điểm vùng sinh thái và trình độ canh tác của từng vùng trên địa bàn tỉnh			
1	Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và đất trồng mía, sắn, điều kém hiệu quả theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh	Ủy ban nhân dân xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2030
2	Xây dựng các mô hình khuyến nông về chuyển đổi cơ cấu cây trồng để nâng cao sức khỏe đất, giảm phát thải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân xã, phường	2026 - 2030
III	Phát triển và áp dụng các gói kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt giảm phát thải			
1	Đề xuất, đặt hàng và triển khai các đề tài, dự án khoa học - công nghệ cấp tỉnh phục vụ sản xuất trồng trọt giảm phát thải	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Lựa chọn và chuyển giao các gói kỹ thuật canh tác giảm phát thải phù hợp với thực tế sản xuất của tỉnh; lồng ghép tuyên truyền vào các chương trình khuyến nông.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
3	Phổ biến hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng các mô hình canh tác giảm phát thải theo từng nhóm cây trồng, tích hợp cùng hệ thống khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
4	Chỉ đạo sản xuất để mở rộng diện tích sản xuất trồng trọt áp dụng các biện pháp canh tác giảm phát thải trên phạm vi toàn tỉnh đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
5	Chủ động hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp đặc biệt là hạ tầng thủy lợi, nội đồng để đảm bảo điều kiện phù hợp với sản xuất trồng trọt phát thải thấp.	Ủy ban nhân dân xã, phường	Các sở, ngành liên quan	2026 - 2035
IV	Triển khai mô hình sản xuất trồng trọt giảm phát thải và chuỗi giá trị			
1	Triển khai mô hình AWD (tưới ngập khô xen kẽ) đối với cây lúa	Ủy ban nhân dân xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ	2026 - 2035
2	Lựa chọn, xây dựng các mô hình sản xuất mía, sắn, cà phê, chuỗi giảm phát thải	Các doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
3	Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường, tổ chức quốc tế, đơn vị phát triển dự án carbon trong việc hỗ trợ kỹ thuật, theo dõi, chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân xã, phường; các đơn vị có liên quan	2026 - 2035

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
V	Thiết lập cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính			
1	Cung cấp cơ sở dữ liệu về giảm phát thải khí nhà kính trong trồng trọt, bao gồm dữ liệu theo cây trồng, vùng sinh thái, biện pháp kỹ thuật, chu kỳ canh tác	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
2	Kết nối cơ sở dữ liệu của tỉnh với hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia, chứng nhận tín chỉ carbon và truy xuất nguồn gốc môi trường sản phẩm nông sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
VI	Nâng cao năng lực và chuyển đổi nhận thức			
1	Tổ chức các chương trình tập huấn nhận thức chung về canh tác giảm phát thải, về phát triển các chuỗi giá trị trồng trọt theo hướng bền vững, giảm phát thải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
2	Đẩy mạnh công tác truyền thông qua báo chí, mạng xã hội, các chương trình truyền thông, hội chợ, triển lãm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích và xu hướng sản xuất trồng trọt. Lồng ghép nội dung canh tác giảm phát thải vào chương trình khuyến nông và các chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Gia Lai, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
3	Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu về kỹ thuật canh tác giảm phát thải, hệ thống MRV (đo lường - báo cáo - thẩm định), tín chỉ carbon cho cán bộ kỹ thuật, nông dân và doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
VII	Kết nối thị trường cho sản phẩm phát thải thấp			

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện các chương trình truyền thông tiêu dùng xanh, ưu tiên lựa chọn nông sản phát thải thấp, hướng tới thay đổi hành vi tiêu dùng bền vững	Sở Công thương	Ủy ban nhân dân xã, phường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
2	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản phát thải thấp thông qua hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá nông sản phát thải thấp tại các hội chợ	Sở Công thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035
3	Tích hợp hỗ trợ phát triển sản phẩm phát thải thấp vào các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình OCOP và các chương trình khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công thương, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị có liên quan	2026 - 2035

Phụ lục II**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT GIẢM PHÁT THẢI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035***(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

STT	Mô hình dự kiến	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Dự kiến kết quả đến năm 2030 (ha)	Dự kiến kết quả đến năm 2035 (ha)
1	Mô hình sản xuất lúa giảm phát thải	Ủy ban nhân dân xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ	Tổng	5.000	8.000
				Xã Bình Khê	50	100
				Xã Bình An	200	400
				Xã Bình Hiệp	100	200
				Xã Tuy Phước Đông	400	600
				Xã Tuy Phước	100	200
				Xã Tuy Phước Bắc	700	1.000
				Xã Phù Mỹ Tây	200	300
				Xã Phù Mỹ Nam	400	600
				Xã An Nhơn Tây	200	300
				Phường An Nhơn Nam	200	300
				Phường An Nhơn Đông	50	100
				Phường An Nhơn Bắc	100	200
				Phường An Nhơn	50	100

				Xã Ngô Mây	200	300
				Xã Hòa Hội	50	150
				Phường Hoài Nhơn Đông	150	300
				Phường Hoài Nhơn Bắc	100	250
				Phường Bồng Sơn	100	200
				Xã Ân Tường	500	600
				Xã Hoài Ân	300	400
				Xã Vạn Đức	150	200
				Xã Ân Hào	400	500
				Xã Chư A Thai	100	200
				Xã Phú Thiện	100	200
				Xã Pờ Tó	100	200
2	Xây dựng mô hình canh tác lúa giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã	Phú Thiện, Ia Pa, Ia Tul, Ia Lâu, Ia Hiao, Biền Hồ, Ia Băng, Chư A Thai	Diện tích thực hiện: 120 ha (08 điểm x 3 vụ/điểm x 5 ha/điểm/vụ).	Tiếp tục duy trì và mở rộng mô hình
3	Mô hình canh tác mía	Các Nhà máy đường trên địa bàn tỉnh:	Ủy ban nhân dân các xã	Tổng	1.000	2.000
		Nhà máy đường		Xã Đak Pơ	200	500
		An Khê		Xã Kông Bờ La	200	500

	giảm phát thải	Nhà máy đường Agris (Thành Thành Công)		Xã Phú Túc	100	200
				Xã Pờ Tó	200	300
				Xã Ia Pa	100	200
				Xã Phú Thiện	200	300
4	Mô hình cà phê giảm phát thải	Các Doanh nghiệp, HTX sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh:	Ủy ban nhân dân các xã	Tổng	500	1.000
		Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba		Xã Biển Hồ	80	100
		Công ty Cổ phần chè Bàu Cạn		Xã Bàu Cạn	150	250
		Công ty Cà phê Đak Đoa		Xã Kon Gang	120	200
		Công ty TNHH Vĩnh Hiệp		Xã Bờ Ngoong	20	50
		HTX sản xuất, thương mại, dịch vụ, du lịch nông nghiệp Ia Mơ Nông		Xã Ia Ly	50	250
		HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Lâm Anh		Xã Đak Đoa	30	50
		HTX Nông nghiệp và Dịch vụ Nam Yang		Xã Kon Gang	50	100
5	Mô hình chuối giảm phát thải	Các Doanh nghiệp sản xuất chuối trên địa bàn tỉnh:	Ủy ban nhân dân các xã	Tổng	500	1.000
		Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai		Xã Lơ Pang	200	400
		Công ty Cổ phần Nông nghiệp Xanh Highlands Farm		Xã Mang Yang	100	250
		Công ty Cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Hưng Sơn		Xã Bàu Cạn	100	150
				Xã Kon Gang	100	200